

Butafosfan Formulation

Phiên bản 3.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/04/14	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 11496245-00003	Ngày ban hành cuối cùng: 2024/12/20 Ngày ban hành đầu tiên: 2024/12/19
------------------	--	---	---

1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP

Tên sản phẩm : Butafosfan Formulation

Mã sản phẩm : Coforta Aqua,Coforta A

Thông tin nhà cung cấp (nhập khẩu; sản xuất; phân phối)

Công ty : MSD

Địa chỉ : Lot F, Loc An Binh Son Industrial Park, Long An Commune,
Long Thanh District,
Dong Nai Province, Vietnam 76200

Điện thoại : 0251 354 5925

Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp : +1-908-423-6000

Địa chỉ e-mail : EHSDATASTEWARD@msd.com

Mục đích sử dụng và hạn chế khi sử dụng

Mục đích sử dụng : sản phẩm thú y

Hạn chế khi sử dụng : Không áp dụng được

2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

Phân loại theo GHS

Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh : Cấp 3

Các yếu tố nhãn theo GHS

Hình đồ cảnh báo nguy cơ : Không có gì

Từ cảnh báo : Không có gì

Cảnh báo nguy hiểm : H402 Có hại đối với sinh vật thủy sinh.

Các lưu ý phòng ngừa :

Biện pháp phòng ngừa:

P273 Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường.

Việc thải bỏ:

P501 Tiêu hủy thành phần bên trong/ thùng chứa hóa chất tại cơ sở xử lý chất thải đủ tiêu chuẩn.

Dán nhãn bổ sung

Các phần trăm sau đây của hỗn hợp chứa các thành phần có các nguy cơ không rõ cho môi trường nước: 10,4 %

Butafosfan Formulation

Phiên bản
3.0

Ngày tháng sửa đổi,
bổ sung gần nhất:
2025/04/14

MÃ SỐ PHIẾU CHỈ
DẪN AN TOÀN:
11496245-00003

Ngày ban hành cuối cùng: 2024/12/20
Ngày ban hành đầu tiên: 2024/12/19

Các thông tin nguy hại khác (nếu có, ví dụ: bụi nổ..)

Khi tiếp xúc với mắt bụi có thể gây kích ứng cơ học.
Tiếp xúc với bụi có thể gây kích ứng cơ học hoặc làm khô da
Có thể hình thành hỗn hợp bụi dễ cháy nổ trong không khí trong quá trình pha chế, xử lý hoặc quá trình khác.

3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Đơn chất / Hỗn hợp chất : Hỗn hợp chất

Thành phần

Tên hóa học	Số CAS	Nồng độ (% w/w)
Tinh bột	9005-25-8	>= 15 -< 30
Butaphosphan	17316-67-5	>= 10 -< 13
Cyanocobalamin	68-19-9	>= 0,5 -< 1

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Lời khuyên chung : Trong trường hợp tai nạn hoặc bạn cảm thấy không khỏe, hãy đi khám ngay lập tức.
Khi triệu chứng kéo dài hoặc trong mọi trường hợp nghi ngờ hãy tìm đến tư vấn y tế.

Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp : Nếu hít phải, di chuyển ngay ra nơi không khí trong lành.
Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu xuất hiện các triệu chứng.

Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da : Rửa bằng nước và xà phòng.
Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu xuất hiện các triệu chứng.

Trường hợp tai nạn khi tiếp xúc với mắt : Nếu bị văng vào mắt, hãy rửa sạch bằng nước.
Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu vùng kích ứng lan rộng và dai dẳng.

Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa : Nếu nuốt phải, không được gây nôn.
Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu xuất hiện các triệu chứng.
Xúc miệng kỹ bằng nước

Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này : Tiếp xúc với bụi có thể gây kích ứng cơ học hoặc làm khô da
Khi tiếp xúc với mắt bụi có thể gây kích ứng cơ học.

Bảo vệ người sơ cứu : Không cần thiết có sẵn các biện pháp phòng bị cho nhân viên cấp cứu.

Lưu ý đối với bác sỹ điều trị : Điều trị triệu chứng và điều trị hỗ trợ

5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Các phương tiện chữa cháy thích hợp : Bụi nước
Bọt chịu cồn.
Carbon điôxit (CO2)
Hóa chất khô

Các phương tiện chữa cháy không thích hợp : Được biết là chưa xảy ra.

Các nguy hiểm cụ thể khi chữa cháy : Tránh tạo ra bụi; bụi phân tán trong không khí ở nồng độ đủ lớn và trong điều kiện có nguồn gây cháy thì có nguy cơ gây

Butafosfan Formulation

Phiên bản 3.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/04/14	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 11496245-00003	Ngày ban hành cuối cùng: 2024/12/20 Ngày ban hành đầu tiên: 2024/12/19
------------------	--	---	---

	ra cháy nổ. Phơi nhiễm với các sản phẩm dễ cháy có thể nguy hại đối với sức khỏe.
Các chất độc được sinh ra khi bị cháy	: Carbon ôxit Oxit kim loại Ôxit photpho Nitơ ôxit (NOx)
Các phương pháp cứu hỏa cụ thể	: Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh. Sử dụng bụi nước để làm mát các bình chứa không mở. Di chuyển các thùng chứa chưa bị hư hại ra khỏi khu vực đám cháy nếu việc này không gây nguy hiểm. Sơ tán toàn bộ khu vực.
Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa	: Đeo các dụng cụ thở cá nhân khi chữa cháy nếu cần thiết. Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân.

6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố	: Làm theo lời khuyên về xử lý an toàn (xem phần 7) và khuyến nghị về thiết bị bảo vệ cá nhân (xem phần 8).
Các cảnh báo về môi trường	: Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường. Ngăn ngừa việc rò rỉ hoặc tràn đổ tiếp theo nếu việc việc làm này an toàn. Giữ lại và tiêu hủy nước rửa bị nhiễm bẩn. Các nhà chức trách địa phương cần được thông báo nếu xảy ra sự cố tràn đổ lớn không thể kiểm soát được.
Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố	: Quét hoặc hút các vật liệu bị đổ và thu gom vào bình chứa thích hợp để tiêu hủy. Tránh gây phân tán bụi trong không khí (ví dụ như làm sạch bề mặt có bụi bằng không khí nén). Không để bụi tích tụ trên các bề mặt bởi vì chúng có thể tạo thành hỗn hợp gây nổ nếu chúng được giải phóng ra không khí ở nồng độ đủ lớn. Các quy định của quốc gia hoặc địa phương có thể phải áp dụng khi thải loại hoặc tiêu hủy chất này, cũng như đối với các chất trên và các vật liệu được sử dụng trong việc làm sạch chất thải. Bạn sẽ cần xác định các quy định nào cần phải được áp dụng. Mục 13 và 15 của SDS này cung cấp thông tin liên quan đến các quy định quốc gia và địa phương.

7. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN

Các biện pháp kỹ thuật	: Hiện tượng tĩnh điện có thể tích tụ và đốt cháy bụi lơ lửng gây
------------------------	---

Butafosfan Formulation

Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN:	Ngày ban hành cuối cùng: 2024/12/20
3.0	2025/04/14	11496245-00003	Ngày ban hành đầu tiên: 2024/12/19

Thông gió cục bộ/toàn bộ	:	ra cháy nổ. Cung cấp các cảnh báo thích hợp, ví dụ như sự tiếp đất và liên kết với điện, hoặc không khí trợ.
Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm	:	Chỉ sử dụng khi có đủ sự thông gió. Không được hít bụi. Xử lý theo hành động an toàn và vệ sinh công cộng, dựa trên kết quả đánh giá phơi nhiễm tại nơi làm việc. Giảm thiểu việc tạo thành và tích tụ bụi. Giữ thùng chứa đóng kín khi không sử dụng Đề xa các nguồn nhiệt và các nguồn gây cháy. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa để tránh sự phóng tĩnh điện. Chú ý phòng ngừa hiện tượng tràn ra ngoài, hao hụt và giảm thiểu thải ra môi trường.
Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản	:	Chứa trong các thùng có dán nhãn đúng. Lưu trữ theo các quy định đặc biệt của quốc gia.
Các chất cần tránh bảo quản chung	:	Không cất giữ với các loại sản phẩm sau đây: Các chất oxy hóa mạnh

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc

Thành phần	Số CAS	Loại giá trị (Dạng phơi nhiễm)	Các thông số kiểm soát / Nồng độ cho phép	Cơ sở
Tinh bột	9005-25-8	TWA	10 mg/m3	ACGIH
Cyanocobalamin	68-19-9	TWA	0,05 mg/m3 (Coban)	VN OEL
Thông tin khác: Nhóm 2B: Có khả năng gây ung thư ở người				
		TWA	15 µg/m3 (OEB 3)	Nội tại
		Xóa bỏ giới hạn	150 µg/100 cm2	Nội tại

Các biện pháp kiểm soát thiết bị phù hợp	:	Tất cả các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phải được thực hiện bởi cơ sở thiết kế và phải được thao tác theo các nguyên tắc GMP để bảo vệ sản phẩm, công nhân cũng như môi trường. Phải sử dụng các kỹ thuật chứa đựng phù hợp trong kiểm soát hợp chất để kiểm soát tại nguồn và ngăn chặn việc hợp chất lan tràn ra khu vực không được kiểm soát (ví dụ như các thiết bị chứa có bề mặt hở). Tối thiểu hóa việc xử lý mở.
--	---	---

Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ hô hấp	:	Nếu không có hệ thống thông khí thải tại chỗ phù hợp hay đánh giá phơi nhiễm cho thấy mức phơi nhiễm vượt ngưỡng được đề xuất, hãy sử dụng thiết bị bảo vệ hô hấp.
Bộ lọc loại	:	Loại hạt
Bảo vệ tay	:	

Butafosfan Formulation

Phiên bản 3.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/04/14	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 11496245-00003	Ngày ban hành cuối cùng: 2024/12/20 Ngày ban hành đầu tiên: 2024/12/19
------------------	--	---	---

Vật liệu	: Găng tay chống hóa chất
Ghi chú	: Cân nhắc đeo găng tay 2 lớp.
Bảo vệ mắt	: Đeo kính an toàn có phần bảo vệ rìa mắt. Nếu môi trường làm việc hoặc hoạt động có điều kiện khói bụi, sương mù hoặc sol khí, hãy đeo kính phù hợp. Đeo mặt nạ hoặc thiết bị bảo vệ toàn bộ khuôn mặt khác nếu có khả năng khuôn mặt tiếp xúc trực tiếp với khói bụi, sương mù hoặc sol khí.
Bảo vệ da và cơ thể	: Mặc đồng phục hoặc áo choàng phòng thí nghiệm. Phải sử dụng thêm quần áo bảo hộ khi thực hiện nhiệm vụ (ví dụ, băng bảo vệ khuỷu tay, tạp dề, găng tay sắt, quần áo bảo hộ dùng một lần) để tránh tiếp xúc với da. Sử dụng kỹ thuật cởi phù hợp để cởi bỏ quần áo nhiễm hóa chất.
Các biện pháp vệ sinh	: Nếu có nguy cơ phơi nhiễm hóa chất trong khi sử dụng bình thường, hãy cung cấp hệ thống vòi rửa mắt và vòi sen an toàn gần nơi làm việc. Không được ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng. Giặt sạch quần áo đã nhiễm hóa chất trước khi tái sử dụng. Vận hành hiệu quả một cơ sở phải bao gồm đánh giá các biện pháp kiểm soát kỹ thuật, thiết bị bảo vệ cá nhân phù hợp, quy trình khử trùng và cởi quần áo nhiễm hóa chất phù hợp, kiểm soát vệ sinh công nghiệp, giám sát y tế và sử dụng biện pháp kiểm soát hành chính.

9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái	: bột
Màu sắc	: màu hồng, màu trắng
Mùi đặc trưng	: đặc tính
Ngưỡng mùi	: chưa có dữ liệu
Độ pH	: chưa có dữ liệu
Điểm/khoảng nóng chảy/đông đặc	: chưa có dữ liệu
Điểm sôi/khoảng sôi ban đầu	: chưa có dữ liệu
Điểm cháy	: Không áp dụng được
Tỷ lệ hóa hơi	: Không áp dụng được
Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	: Có thể hình thành hỗn hợp bụi dễ cháy nổ trong không khí trong quá trình pha chế, xử lý hoặc quá trình khác.
Tính dễ cháy (chất lỏng)	: Không áp dụng được

Butafosfan Formulation

Phiên bản 3.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/04/14	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 11496245-00003	Ngày ban hành cuối cùng: 2024/12/20 Ngày ban hành đầu tiên: 2024/12/19
------------------	--	---	---

Giới hạn trên của cháy nổ / Giới hạn trên của sự bốc cháy	:	chưa có dữ liệu
Giới hạn dưới của cháy nổ / Giới hạn dưới của sự bốc cháy	:	chưa có dữ liệu
Áp suất hóa hơi	:	Không áp dụng được
Tỷ trọng hơi tương đối	:	Không áp dụng được
Tỷ trọng tương đối	:	chưa có dữ liệu
Khối lượng riêng	:	chưa có dữ liệu
Độ hòa tan Độ hòa tan trong nước	:	chưa có dữ liệu
Hệ số phân tán: n- octanol/nước	:	Không áp dụng được
Nhiệt độ tự bốc cháy	:	chưa có dữ liệu
Nhiệt độ phân hủy	:	chưa có dữ liệu
Độ nhớt Độ nhớt, động học	:	Không áp dụng được
Đặc tính cháy nổ	:	Không gây nổ
Đặc tính oxy hóa	:	Chất hoặc hỗn hợp không được phân loại là chất oxy hóa.
Trọng lượng phân tử	:	chưa có dữ liệu
Đặc điểm hạt Kích thước hạt	:	chưa có dữ liệu

10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng	:	Không thuộc loại nguy hại phản ứng.
Tính ổn định	:	Ổn định trong các điều kiện thông thường.
Phản ứng nguy hiểm	:	Có thể hình thành hỗn hợp bụi dễ cháy nổ trong không khí trong quá trình pha chế, xử lý hoặc quá trình khác. Có thể phản ứng với các chất oxy hóa mạnh.
Các điều kiện cần tránh	:	Nhiệt, lửa và tia lửa. Tránh tạo ra bụi.
Vật liệu không tương thích	:	Chất oxy hóa
Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng	:	Không sản phẩm phân hủy nguy hại nào được biết đến.

Butafosfan Formulation

Phiên bản 3.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/04/14	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 11496245-00003	Ngày ban hành cuối cùng: 2024/12/20 Ngày ban hành đầu tiên: 2024/12/19
------------------	--	---	---

phân hủy

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Đường tiếp xúc : Hít phải
Tiếp xúc với da
Ăn uống
Tiếp xúc với mắt

Độc cấp tính

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thành phần:

Tinh bột:

Độc tính cấp theo đường miệng : LD50 (Chuột): > 5.000 mg/kg
Độc tính cấp qua da : LD50 (Thỏ): > 2.000 mg/kg

Butaphosphan:

Độc tính cấp theo đường miệng : LD50 (Chuột nhắt): 16.000 mg/kg

Cyanocobalamin:

Độc tính cấp theo đường miệng : LD50 (Chuột): > 5.000 mg/kg

Ăn mòn/kích ứng da

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thành phần:

Tinh bột:

Loài : Thỏ
Kết quả : Không gây kích ứng mắt

Kích thích hô hấp hoặc da

Nhạy cảm với da

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Nhạy cảm với hô hấp

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thành phần:

Tinh bột:

Loại kiểm nghiệm : Thử nghiệm cực đại
Đường tiếp xúc : Tiếp xúc với da
Loài : Chuột lang

Butafosfan Formulation

Phiên bản 3.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/04/14	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 11496245-00003	Ngày ban hành cuối cùng: 2024/12/20 Ngày ban hành đầu tiên: 2024/12/19
------------------	--	---	---

Kết quả : Âm tính

Đột biến tế bào mầm (tế bào gen)

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thành phần:

Tinh bột:

Độc tính gây đột biến gen : Loại kiểm nghiệm: Khảo nghiệm đột biến đảo ngược vi khuẩn
trong ống thí nghiệm (AMES)
Kết quả: Âm tính

Cyanocobalamin:

Độc tính gây đột biến gen : Loại kiểm nghiệm: Khảo nghiệm đột biến đảo ngược vi khuẩn
trong ống thí nghiệm (AMES)
Kết quả: Âm tính

Tác nhân gây ung thư

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Độc tính sinh sản

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

STOT - Tiếp xúc một lần

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

STOT - Tiếp xúc lặp lại

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Lượng độc lặp lại

Thành phần:

Tinh bột:

Loài : Chuột
NOAEL : >= 2.000 mg/kg
Lộ trình ứng dụng : Tiếp xúc với da
Thời gian phơi nhiễm : 28 Days
Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 410

Độc tính hô hấp

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Butafosfan Formulation

Phiên bản 3.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/04/14	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 11496245-00003	Ngày ban hành cuối cùng: 2024/12/20 Ngày ban hành đầu tiên: 2024/12/19
------------------	--	---	---

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc môi trường

Thành phần:

Butaphosphan:

Đánh giá độc tố sinh thái học

Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh : Không thể loại trừ tác dụng độc hại
Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh : Không thể loại trừ tác dụng độc hại

Cyanocobalamin:

Độc đối với cá : LC50 (Oncorhynchus mykiss (cá hồi cầu vồng)): > 1 - 10 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 14 d
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác : EC50 (Ceriodaphnia dubia (bọ chết nước)): > 10 - 100 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 48 h
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Độc tính đối với tảo/thực vật dưới nước : EC50 (Champia parvula (tảo biển)): > 0,1 - 1 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 72 h
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

EC10 (Lemna minor (Bèo tấm Lemna minor)): > 0,1 - 1 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 7 d
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Nhân tố M (Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh) : 1
Độc đối với cá (Tính độc mãn tính) : NOEC (Danio rerio (cá vằn)): > 1 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 16 d
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác (Tính độc mãn tính) : NOEC (Daphnia magna (Bọ nước)): > 0,1 - 1 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 28 d
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy
chưa có dữ liệu

Khả năng tích lũy sinh học
chưa có dữ liệu

Độ linh động trong đất
chưa có dữ liệu

Butafosfan Formulation

Phiên bản 3.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/04/14	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 11496245-00003	Ngày ban hành cuối cùng: 2024/12/20 Ngày ban hành đầu tiên: 2024/12/19
------------------	--	---	---

Các tác hại khác
chưa có dữ liệu

13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ

Các biện pháp thải bỏ

Chất thải từ cặn	: Không thải loại chất thải vào các hệ thống thoát nước thải Loại bỏ theo quy định của địa phương
Bao bì nhiễm độc	: Các thùng chứa rỗng cần được đưa tới cơ sở đủ tiêu chuẩn để tái chế hoặc loại bỏ Nếu không được quy định khác: Xử lý như đối với sản phẩm chưa sử dụng.

14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN

Quy định Quốc tế

UNRTDG

Số hiệu UN	: Không áp dụng được
Tên vận chuyển thích hợp	: Không áp dụng được
Hạng	: Không áp dụng được
Nhóm phụ số	: Không áp dụng được
Nhóm hàng	: Không áp dụng được
Nhãn	: Không áp dụng được
Nguy hại với môi trường	: không

IATA-DGR

Số UN/ID	: Không áp dụng được
Tên vận chuyển thích hợp	: Không áp dụng được
Hạng	: Không áp dụng được
Nhóm phụ số	: Không áp dụng được
Nhóm hàng	: Không áp dụng được
Nhãn	: Không áp dụng được
Hướng dẫn đóng gói (hàng hóa máy bay)	: Không áp dụng được
Hướng dẫn đóng gói (hành khách máy bay)	: Không áp dụng được

Mã IMDG

Số hiệu UN	: Không áp dụng được
Tên vận chuyển thích hợp	: Không áp dụng được
Hạng	: Không áp dụng được
Nhóm phụ số	: Không áp dụng được
Nhóm hàng	: Không áp dụng được
Nhãn	: Không áp dụng được
Mã EmS	: Không áp dụng được
Chất ô nhiễm đại dương	: Không áp dụng được

Vận chuyển trong tàu lớn theo như Phụ lục II của Công ước MARPOL 73/78 và Bộ luật IBC
Không áp dụng cho sản phẩm khi được cung cấp.

Butafosfan Formulation

Phiên bản 3.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/04/14	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 11496245-00003	Ngày ban hành cuối cùng: 2024/12/20 Ngày ban hành đầu tiên: 2024/12/19
------------------	--	---	---

Những cảnh báo đặc biệt mà người sử dụng cần lưu ý
Không áp dụng được

15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất

Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12

Các thành phần của sản phẩm này được ghi trong danh mục kiểm kê sau:

AICS	: chưa được xác định
DSL	: chưa được xác định
IECSC	: chưa được xác định

16. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC, BAO GỒM CÁC THÔNG TIN KHI XÂY DỰNG VÀ HIỆU ĐÍNH PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung : 2025/04/14
gần nhất

Thông tin khác

Nguồn dữ liệu chính dùng để : Dữ liệu kỹ thuật nội bộ, dữ liệu từ Bảng thông tin an toàn
lập Phiếu Dữ liệu An toàn (SDS) nguyên liệu, kết quả tìm kiếm trên Cổng thông tin điện tử về hóa chất OECD và Cơ quan hóa chất Châu Âu, <http://echa.europa.eu/>

Các mục nơi đã có những thay đổi so với phiên bản trước được đánh dấu trong phần thân của tài liệu này bằng hai đường thẳng đứng.

Định dạng ngày tháng : năm/tháng/ngày

Toàn bộ nội dung các cụm từ viết tắt khác

ACGIH	: Giá trị giới hạn ngưỡng (TLV) USA. ACGIH
VN OEL	: Quyết định của bộ trưởng bộ y tế - Hoá chất - giới hạn cho phép trong không khí vùng làm việc
ACGIH / TWA	: 8 giờ, trung bình tính theo thời gian
VN OEL / TWA	: Trung bình về thời gian

AIIC - Kiểm kê Hóa chất Công nghiệp Úc; ANTT - Cơ quan Quốc gia về Vận tải trên Đất liền của Brazil; ASTM - Hiệp hội Hoa Kỳ về Thử nghiệm Vật liệu; bw - Trọng lượng cơ thể; CMR - Chất gây ung thư, chất gây đột biến hoặc ngộ độc sinh sản; DIN - Tiêu chuẩn của Viện Tiêu chuẩn hóa của Đức; DSL - Danh sách các Chất Nội địa (Canada); ECx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng; ELx - Tốc độ chất liệu liên quan đến x% đáp ứng; EmS - Bảng Tình trạng khẩn cấp; ENCS - Hóa chất Hiện có và Mới (Nhật Bản); ErCx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng tốc độ tăng trưởng; ERG - Hướng dẫn Phản ứng Tình trạng khẩn cấp; GHS - Hệ thống hài hòa Toàn cầu; GLP -Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm; IARC - Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Toàn cầu; IATA - Hiệp hội Hàng không Toàn cầu; IBC - Mã Quốc tế về Xây dựng và Thiết bị Tàu chuyên chở Hóa chất Độc hại; IC50 - Nồng độ ức chế tối đa 50% tăng trưởng ở đối tượng thử nghiệm; ICAO - Tổ

Butafosfan Formulation

Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi,	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ	Ngày ban hành cuối cùng: 2024/12/20
3.0	bổ sung gần nhất:	DẪN AN TOÀN:	Ngày ban hành đầu tiên: 2024/12/19
	2025/04/14	11496245-00003	

chức Hàng không Dân dụng Quốc tế; IECSC - Kiểm kê Hóa chất Hiện có tại Trung Quốc; IMDG - Hàng hải Quốc tế về Hàng nguy hiểm; IMO - Tổ chức Hàng hải Quốc tế; ISHL - Luật Sức khỏe và An toàn ngành (Nhật Bản); ISO - Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế; KECI - Kiểm kê Hóa chất hiện có Hàn Quốc; LC50 - Nồng độ gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm; LD50 - Liều lượng gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm (Liều lượng Gây chết người Trung bình); MARPOL - Quy ước Quốc tế về Phòng chống Ô nhiễm từ Tàu thuyền; n.o.s. - Không được Quy định Khác; Nch - Tiêu chuẩn Chile; NO(A)EC - Không quan sát thấy nồng độ gây tác dụng (bất lợi); NO(A)EL - Không quan sát thấy mức độ gây tác dụng (bất lợi); NOELR - Không quan sát thấy tốc độ chất liệu gây tác dụng phụ; NOM - Tiêu chuẩn Chính thức Mexico; NTP - Chương trình Độc học Quốc gia; NZIoC - Kiểm kê Hóa chất New Zealand; OECD - Tổ chức phát triển và hợp tác kinh tế; OPPTS - Văn phòng phòng chống ô nhiễm và an toàn hóa học; PBT - Chất Độc hại, Bền và Khó phân hủy; PICCS - Kiểm kê Hóa chất Philippines; (Q)SAR - (Định lượng) Mối quan hệ Hoạt động Cấu trúc; REACH - Quy định (EC) Số 1907/2006 của Hội đồng và Nghị viện châu Âu về Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế Hóa chất; SADT - Nhiệt độ Phân hủy Tự tăng tốc; SDS - Phiếu an toàn hóa chất; TCSI - Kiểm kê Hóa chất Đài Loan; TDG - Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; TECI - Bảng kê khai tồn kho hóa chất hiện tại của Thái Lan; TSCA - Đạo luật Kiểm soát Độc chất (Hoa Kỳ); UN - Liên Hiệp Quốc; UNRTDG - Khuyến nghị của Liên hiệp quốc về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; vPvB - Rất bền và rất Khó phân hủy; WHMIS - Hệ thống Thông tin An toàn Hóa chất Nơi làm việc

Thông tin được cung cấp trong Bảng dữ liệu an toàn này là chính xác nhất theo kiến thức, thông tin và sự tin tưởng của chúng tôi tại ngày công bố. Thông tin chỉ được đưa ra như hướng dẫn để công bố, bỏ, vận chuyển, lưu trữ, xử lý, sử dụng và điều khiển an toàn và sẽ không được xem là sự bảo hành hoặc thông số kỹ thuật về chất lượng của bất kỳ loại nào. Thông tin được cung cấp chỉ liên quan đến tài liệu cụ thể đã nêu tại trang đầu tiên SDS này và sẽ không hợp lệ khi tài liệu SDS được sử dụng liên quan đến bất kỳ tài liệu nào khác hoặc trong bất kỳ quy trình nào, trừ khi được nêu cụ thể trong văn bản. Người dùng tài liệu nên đánh giá thông tin và các đề xuất trong hoàn cảnh cụ thể và theo cách thức điều khiển, sử dụng, xử lý và lưu trữ dự kiến của mình, bao gồm việc đánh giá tính phù hợp của tài liệu SDS trong sản phẩm cuối cùng của người dùng, nếu có thể áp dụng.

VN / VI